



**Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế
Hoàng Anh Gia Lai**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
(Báo cáo tài chính của Công ty mẹ)

Quý I năm 2017

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	5 - 6
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	7 - 30

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Ngày 31 tháng 03 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.016.602.096	2.760.454.724
110	I. Tiền	4	12.254.706	144.092.732
111	1. Tiền		12.254.706	144.092.732
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		962.495.974	2.612.035.069
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	92.395.228	75.936.361
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	14.202.684	7.405.264
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	24	220.151.353	611.768.955
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	635.746.709	1.916.924.489
140	III. Hàng tồn kho		39.659.236	2.514.356
141	1. Hàng tồn kho	8	39.931.836	2.786.956
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	8	(272.600)	(272.600)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		2.192.180	1.812.567
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	91.854	540.242
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.814.495	986.494
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		285.831	285.831
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		18.566.157.487	16.658.835.728
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5.782.782.342	3.874.467.877
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	24	4.675.961.022	3.853.343.420
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	1.106.821.320	21.124.457
220	II. Tài sản cố định		39.107.178	40.661.481
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	10.189.360	10.247.913
222	Nguyên giá		29.116.436	28.256.563
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(18.927.076)	(18.008.650)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	28.917.818	30.413.568
228	Nguyên giá		48.197.185	48.197.185
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(19.279.367)	(17.783.617)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn		12.743.162.129	12.743.162.129
251	1. Đầu tư vào công ty con	12.1	12.563.586.935	12.563.586.935
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	12.2	286.004.636	286.004.636
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	12.1	(106.429.442)	(106.429.442)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		1.105.838	544.241
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	1.105.838	544.241
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		19.582.759.583	19.419.290.452

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Ngày 31 tháng 03 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		9.454.646.164	9.391.911.447
310	I. Nợ ngắn hạn		1.329.053.639	1.124.466.235
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	134.072.079	72.458.084
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		49.706	229.158
314	3. Phải trả người lao động		3.718.937	2.647.623
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	29.501.516	49.257.238
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	16	527.960.459	366.505.359
320	6. Vay ngắn hạn	17	633.750.942	633.368.773
330	II. Nợ dài hạn		8.125.592.525	8.267.445.212
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	15	-	62.765.852
337	2. Phải trả dài hạn khác	16	-	90.503.476
338	3. Vay dài hạn	17	8.125.592.525	8.114.175.884
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	18	10.128.113.419	10.027.379.005
410	I. Vốn chủ sở hữu		10.128.113.419	10.027.379.005
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		7.671.438.950	7.671.438.950
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		7.671.438.950	7.671.438.950
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.064.550.810	1.064.550.810
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.392.123.659	1.291.389.245
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		1.291.389.245	1.185.386.410
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		100.734.414	106.002.835
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		19.582.759.583	19.419.290.452

Nguyễn Thị Hải Yến

Người lập

Hồ Thị Tuyết Loan

Kế toán trưởng



Võ Thị Mỹ Hạnh

Giám đốc

Ngày 19 tháng 05 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý I năm 2017

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	135.835.439	9.264.160	135.835.439	9.264.160
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	135.835.439	9.264.160	135.835.439	9.264.160
11	3. Giá vốn hàng bán	20	(127.953.909)	(8.515.117)	(127.953.909)	(8.515.117)
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.881.530	749.043	7.881.530	749.043
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	239.990.223	88.636.095	239.990.223	88.636.095
22	6. Chi phí tài chính	21	(131.016.040)	(81.896.257)	(131.016.040)	(81.896.257)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(128.579.942)	(83.407.271)	(128.579.942)	(83.407.271)
25	7. Chi phí bán hàng		(9.890.770)	(416.614)	(9.890.770)	(416.614)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(5.329.632)	(5.277.335)	(5.329.632)	(5.277.335)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		101.635.311	1.794.932	101.635.311	1.794.932
31	10. Thu nhập khác	22	179.949	566.566	179.949	566.566
32	11. Chi phí khác	22	(1.080.846)	(659.488)	(1.080.846)	(659.488)
40	12. Lợi nhuận khác	22	(900.897)	(92.922)	(900.897)	(92.922)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

Ngàn VND

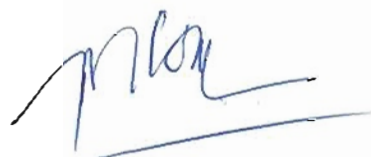
Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		100.734.414	1.702.010	100.734.414	1.702.010
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23	-	(340.402)	-	(340.402)
60	15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		100.734.414	1.361.608	100.734.414	1.361.608



Nguyễn Thị Hải Yên

Người lập

Ngày 19 tháng 05 năm 2017



Hồ Thị Tuyết Loan

Kế toán trưởng



Võ Thị Mỹ Hạnh

Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý I năm 2017

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		100.734.414	1.702.010
	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định	10,11	2.414.176	2.222.822
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		2.560.612	(1.511.014)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(239.990.223)	(88.636.095)
06	Chi phí lãi vay		128.579.942	83.407.271
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(5.701.079)	(2.815.006)
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(19.623.174)	42.227.298
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(37.144.880)	(33.631)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(81.064.520)	(104.119.491)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(113.209)	(19.680.416)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		(143.646.862)	(84.421.246)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		-	(1.672.437.525)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		10.026	369.512
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		10.026	(1.672.068.013)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	1.652.000.000
33	Tiền thu từ đi vay		142.666.810	105.142.641
34	Tiền trả nợ gốc vay, mượn		(130.868.000)	(770.000)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		11.798.810	1.756.372.641
50	Tăng (giảm) tiền thuần trong kỳ		(131.838.026)	(116.618)
60	Tiền đầu kỳ	4	144.092.732	572.981
70	Tiền cuối kỳ	4	12.254.706	456.363



Nguyễn Thị Hải Yến

Người lập

Ngày 19 tháng 05 năm 2017





Hồ Thị Tuyết Loan

Kế toán trưởng

Võ Thị Mỹ Hạnh

Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (trước đây là Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai) ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười lăm (15) GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015.

Vào ngày 9 tháng 5 năm 2017, Công ty đã nhận Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh lần thứ mười lăm, thay đổi tên giám đốc công ty từ ông Nguyễn Xuân Thắng thành bà Võ Thị Mỹ Hạnh.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai có tỷ lệ sở hữu là 70,45% vào ngày 31 tháng 03 năm 2017.

Hoạt động chính theo giấy phép của Công ty là chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa; trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu, mía và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan.

Công ty có trụ sở chính tại số 15 Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung

2.3 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.3 Năm tài chính (tiếp theo)

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ quý I năm 2017 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 03 năm 2017.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quý, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán, được lập theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do bộ tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228"). Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa	- Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
---	---

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các loại hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận chuyển	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	4 - 5 năm
Phần mềm vi tính	5 - 8 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành lần lượt vào ngày 7 tháng 12 năm 2009 và ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau :

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.12 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và sau khi đã trừ các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****3.13 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)***Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.14 Thuế*Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

4. TIỀN

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Tiền gửi ngân hàng	12.231.627	143.954.654
Tiền mặt tại quỹ	23.079	138.078
TỔNG CỘNG	<u>12.254.706</u>	<u>144.092.732</u>

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 24)	50.128.375	32.175.088
Các khoản phải thu từ khách hàng khác	42.266.853	43.761.273
TỔNG CỘNG	<u>92.395.228</u>	<u>75.936.361</u>

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 24)	11.200.849	3.805.424
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	3.001.835	3.599.840
TỔNG CỘNG	<u>14.202.684</u>	<u>7.405.264</u>

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 24)	632.421.463	1.915.427.243
Các khoản khác	3.325.246	1.497.246
TỔNG CỘNG	<u>635.746.709</u>	<u>1.916.924.489</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

8. HÀNG TỒN KHO

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Hàng hóa	39.407.590	2.414.654
Công cụ, dụng cụ	434.910	298.963
Nguyên vật liệu	89.336	73.339
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(272.600)	(272.600)
TỔNG CỘNG	<u>39.659.236</u>	<u>2.514.356</u>

9. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Phải thu bên liên quan (<i>Thuyết minh số 24</i>)	1.106.821.320	21.124.457
TỔNG CỘNG	<u>1.106.821.320</u>	<u>21.124.457</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Ngàn VND</i>				
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá					
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	5.756.830	17.099.364	5.078.186	322.183	28.256.563
Mua sắm mới	-	-	859.873	-	859.873
Ngày 31 tháng 03 năm 2017	<u>5.756.830</u>	<u>17.099.364</u>	<u>5.938.059</u>	<u>322.183</u>	<u>29.116.436</u>
Khấu hao lũy kế					
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	(189.524)	(14.940.024)	(2.596.464)	(282.638)	(18.008.650)
Tăng trong kỳ	(143.982)	(619.245)	(153.154)	(2.045)	(918.426)
Ngày 31 tháng 03 năm 2017	<u>(333.506)</u>	<u>(15.559.269)</u>	<u>(2.749.618)</u>	<u>(284.683)</u>	<u>(18.927.076)</u>
Giá trị còn lại					
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>5.567.306</u>	<u>2.159.340</u>	<u>2.481.722</u>	<u>39.545</u>	<u>10.247.913</u>
Ngày 31 tháng 03 năm 2017	<u>5.423.324</u>	<u>1.540.095</u>	<u>3.188.441</u>	<u>37.506</u>	<u>10.189.360</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý 1 năm 2017

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Ngàn VND</i>
	<i>Phần mềm</i>
	<i>máy tính</i>
Nguyên giá	
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>48.197.185</u>
Ngày 31 tháng 03 năm 2017	<u>48.197.185</u>
Hao mòn lũy kế	
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	(17.783.617)
Tăng trong kỳ	<u>(1.495.750)</u>
Ngày 31 tháng 03 năm 2017	<u>(19.279.367)</u>
Giá trị còn lại	
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>30.413.568</u>
Ngày 31 tháng 03 năm 2017	<u>28.917.818</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý 1 năm 2017

12. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

12.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 31 tháng 03 năm 2017			Ngày 31 tháng 12 năm 2016		
		Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc đầu tư Ngàn VND	Dự phòng Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc đầu tư Ngàn VND	Dự phòng Ngàn VND
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp, chăn nuôi bò và xây dựng	100,00	2.101.029.560	-	100,00	2.101.029.560	-
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Trồng cây công nghiệp và chăn nuôi bò	99,99	1.375.149.450	-	99,99	1.375.149.450	-
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Trồng cây công nghiệp	100,00	943.513.646	-	100,00	943.513.646	-
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp, và chăn nuôi bò	97,77	440.512.398	-	97,77	440.512.398	-
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp, và chăn nuôi bò	99,91	3.277.737.120	-	99,91	3.277.737.120	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Trồng cây công nghiệp và bất động sản	99,53	394.313.155	(51.239.691)	99,53	394.313.155	(51.239.691)
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Trồng cây công nghiệp	100,00	171.654.457	-	100,00	171.654.457	-
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Chăn nuôi	99,00	615.584.549	(21.242.922)	99,00	615.584.549	(21.242.922)
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Thương mại	100,00	100.000.000	(33.946.829)	100,00	100.000.000	(33.946.829)
Công ty Cổ phần Đông Pênh	Trồng cây công nghiệp	99,70	798.397.600	-	99,70	798.397.600	-
Công ty Cổ phần An Đông Mía	Trồng cây công nghiệp	69,50	695.695.000	-	69,50	695.695.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Trồng cây công nghiệp	100,00	1.650.000.000	-	100,00	1.650.000.000	-
TỔNG CỘNG			12.563.586.935	(106.429.442)		12.563.586.935	(106.429.442)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

12. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

12.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 31 tháng 03 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
		Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị đầu tư Ngân VND	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị đầu tư Ngân VND
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Trồng cây cao su	49,14	286.004.636	49,14	286.004.636

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Ngân VND	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Chi phí trả trước ngắn hạn	91.854	540.242
Chi phí trả trước dài hạn	1.105.838	544.241
TỔNG CỘNG	1.197.692	1.084.483

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Ngân VND	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải trả mua hàng hóa và dịch vụ	130.362.079	55.669.439
Phải trả tiền mua cổ phần	3.710.000	3.710.000
Các khoản khác	-	13.078.645
TỔNG CỘNG	134.072.079	72.458.084

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017, phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả các bên liên quan là 118.201.328 ngàn VND (Thuyết minh số 24).

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN

	Ngân VND	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn	29.501.516	49.257.238
Chi phí lãi vay	6.888.405	24.012.500
Chi phí hoạt động	100.111	-
Chi phí khác	22.513.000	25.244.738
Dài hạn	-	62.765.852
Chi phí lãi vay	-	62.765.852
TỔNG CỘNG	29.501.516	112.023.090

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn	527.960.459	366.505.359
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 24)	322.943.109	169.092.163
Phải trả khác bên thứ ba	205.017.350	197.413.196
Dài hạn	-	90.503.476
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 24)	-	83.336.578
Phải trả khác bên thứ ba	-	7.166.898
TỔNG CỘNG	527.960.459	457.008.835

17. VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Vay ngắn hạn	633.750.942	633.368.773
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 17.1)	5.179.552	5.179.552
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả (Thuyết minh số 17.2)	297.473.437	297.091.268
Vay dài hạn bên liên quan đến hạn trả (Thuyết minh số 17.3)	331.097.953	331.097.953
Vay dài hạn	8.125.592.525	8.114.175.884
Vay dài hạn ngân hàng (Thuyết minh số 17.1)	988.331.032	988.331.032
Vay dài hạn trái phiếu (Thuyết minh số 17.2)	1.819.003.560	1.817.205.919
Vay dài hạn bên liên quan (Thuyết minh số 17.3)	5.318.257.933	5.308.638.933
TỔNG CỘNG	8.759.343.467	8.747.544.657

17.1 Các khoản vay dài hạn ngân hàng

	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV"), Chi nhánh Gia Lai	731.055.979	731.055.979
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank"), Chi nhánh Sài Gòn	262.454.605	262.454.605
TỔNG CỘNG	993.510.584	993.510.584
<i>Trong đó :</i>		
Vay dài hạn	988.331.032	988.331.032
Vay dài hạn đến hạn trả	5.179.552	5.179.552

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

17. VAY (tiếp theo)

17.2 Trái phiếu thường

Chi tiết trái phiếu thường trong nước vào ngày 31 tháng 03 năm 2017 được trình bày như sau:

	<i>Ngân VND</i>
Mệnh giá "Trái phiếu 1.700"	1.700.000.000
Mệnh giá "Trái phiếu 457"	431.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	<u>(14.523.003)</u>
TỔNG CỘNG	<u>2.116.476.997</u>
<i>Trong đó:</i>	
<i>Trái phiếu dài hạn đến hạn trả</i>	<i>297.473.437</i>

Trái phiếu 1.700

Vào ngày 17 tháng 11 năm 2015, Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 1.700 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 01 (một) tỷ VND) do Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital ("ECS") thu xếp phát hành. Trái phiếu được trả lãi định kỳ ba (3) tháng một lần với lãi suất là 10,50% một năm cho kỳ tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo bằng tổng của lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Sở Giao Dịch cộng với biên độ 4,5% một năm.

Mục đích phát hành trái phiếu này là để cơ cấu lại một phần nợ gốc trái phiếu có tổng mệnh giá 2.000 tỷ VND được phát hành tháng 12 năm 2012; bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Nhóm Công ty bao gồm dự án trồng và chăm sóc cao su, cọ dầu, mía đường tại Campuchia và Lào; bổ sung vốn lưu động và đầu tư cho các dự án khác của Nhóm Công ty. Các trái phiếu nói trên được đảm bảo bằng 181.717.250 cổ phiếu HNG được nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (Công ty mẹ).

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2017, các trái phiếu này được sở hữu bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân ("QDB") và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng ("VPB") với số tiền lần lượt là 300 tỷ VND và 1.400 tỷ VND, chịu lãi suất từ 10,9% - 11,6% một năm trong kỳ này. Trong đó Trái phiếu nắm giữ bởi VPB đã được gia hạn thời gian hoàn trả và thời gian hoàn trả mới là từ ngày 17 tháng 8 năm 2019 đến ngày 17 tháng 12 năm 2021.

Trái phiếu 457

Vào ngày 27/12/2016 và ngày 29/12/2016, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng đặt mua lần lượt 290 trái phiếu và 141 trái phiếu do Công ty phát hành, mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 01 (một) tỷ VND. Trái phiếu được trả lãi định kỳ ba (3) tháng một (01) lần, bắt đầu trả lãi vào ngày 27/03/2018, số tiền lãi trái phiếu được ân hạn sẽ được chia làm bốn (04) và được thanh toán vào ngày 27 của các tháng ba (3), sáu (6), chín (9) và mười hai (12) năm 2018. Lãi suất áp dụng cho ba (03) kỳ tính lãi đầu tiên cố định là 10,5%/năm, lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo được xác định bằng lãi suất tiền gửi cá nhân bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng cộng biên độ 4%/năm. Mục đích phát hành trái phiếu đợt này là để cơ cấu nợ lãi trái phiếu. Các trái phiếu nói trên được đảm bảo bằng 234.484.450 cổ phiếu (đồng thể chấp cho Trái phiếu 1700) của Công ty (HNG) được nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (Công ty mẹ); toàn bộ quyền thuê, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đối với 7.376 hecta tại huyện Lumphat, tỉnh Rattanakiri thuộc sở hữu của Công ty TNHH Daun Penh Agrico và 4.700.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của ông Đoàn Nguyên Đức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

17. VAY (tiếp theo)

17.3 Các khoản vay dài hạn bên liên quan

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (<i>Công ty mẹ</i>)	5.523.187.886	5.639.736.886
Công ty Cổ phần Thủy Điện Hoàng Anh Gia Lai (<i>Bên liên quan</i>)	126.168.000	-
TỔNG CỘNG	<u>5.649.355.886</u>	<u>5.639.736.886</u>
<i>Trong đó :</i>		
<i>Vay dài hạn</i>	<i>5.318.257.933</i>	<i>5.308.638.933</i>
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>331.097.953</i>	<i>331.097.953</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

				Ngàn VND
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Quý I năm 2016				
Số dư ngày 01 tháng 01 năm 2016	7.081.438.950	2.550.810	1.185.386.410	8.269.376.170
Phát hành thêm Cổ phiếu	590.000.000	-	-	590.000.000
Phát hành Cổ phiếu trong năm bằng nguồn thặng dư	-	1.062.000.000	-	1.062.000.000
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	1.361.608	1.361.608
Số dư ngày 31 tháng 03 năm 2016	7.671.438.950	1.064.550.810	1.186.748.018	9.922.737.778
Quý I năm 2017				
Số dư ngày 01 tháng 01 năm 2017	7.671.438.950	1.064.550.810	1.291.389.245	10.027.379.005
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	100.734.414	100.734.414
Số dư ngày 31 tháng 03 năm 2017	7.671.438.950	1.064.550.810	1.392.123.659	10.128.113.419

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Chi tiết vốn cổ phần của chủ sở hữu

Cổ đông	Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh			Vốn cổ phần đã góp
	Số cổ phần	Ngàn VND	%	Ngàn VND
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	540.458.340	5.404.583.400	70,45	5.404.583.400
Cổ đông khác	226.685.555	2.266.855.550	29,55	2.266.855.550
TỔNG CỘNG	767.143.895	7.671.438.950	100,00	7.671.438.950

18.3 Cổ phiếu

	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	767.143.895	767.143.895
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	767.143.895	767.143.895
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	767.143.895	767.143.895
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	767.143.895	767.143.895
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	767.143.895	767.143.895

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017

19. DOANH THU

19.1 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Ngàn VND			
	Quý I		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần bán hàng hóa, dịch vụ	135.835.439	9.264.160	135.835.439	9.264.160
TỔNG CỘNG	135.835.439	9.264.160	135.835.439	9.264.160

19.2 DOANH THU TÀI CHÍNH

	Ngàn VND			
	Quý I		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Cổ tức	96.787.350	-	96.787.350	-
Lãi cho vay	143.192.847	88.266.583	143.192.847	88.266.583
Lãi tiền gửi ngân hàng	10.026	369.512	10.026	369.512
TỔNG CỘNG	239.990.223	88.636.095	239.990.223	88.636.095

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Ngàn VND			
	Quý I		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ	127.953.909	8.515.117	127.953.909	8.515.117
TỔNG CỘNG	127.953.909	8.515.117	127.953.909	8.515.117

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Ngàn VND			
	Quý I		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	128.579.942	83.407.271	128.579.942	83.407.271
Chi phí phát hành trái phiếu	2.179.809	-	2.179.809	-
Chênh lệch tỷ giá	256.289	(1.511.014)	256.289	(1.511.014)
TỔNG CỘNG	131.016.040	81.896.257	131.016.040	81.896.257

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

22. CÁC KHOẢN THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Ngàn VND</i>			
	<i>Quý I</i>		<i>Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác	179.949	566.566	179.949	566.566
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	-	14	-	14
Các khoản khác	179.949	566.552	179.949	566.552
Chi phí khác	1.080.846	659.488	1.080.846	659.488
Chi phí vi phạm hợp đồng và thuế	109.099	22.389	109.099	22.389
Các khoản khác	971.747	637.099	971.747	637.099
TỔNG CỘNG	(900.897)	(92.922)	(900.897)	(92.922)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ thuế hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế TNDN hiện hành

	<i>Ngân VND</i>	
	<i>Quý I năm 2017</i>	<i>Quý I năm 2016</i>
Lợi nhuận trước thuế	100.734.414	1.702.010
Thu nhập cổ tức	(96.787.350)	-
Lợi nhuận chịu thuế ước tính	<u>3.947.064</u>	<u>1.702.010</u>
Thuế TNDN hiện hành ước tính trong kỳ	<u>-</u>	<u>340.402</u>
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính trong kỳ	-	340.402
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	<u>(285.831)</u>	<u>(285.831)</u>
Thuế TNDN trả trước cuối kỳ	<u>(285.831)</u>	<u>54.571</u>

24. CÁC GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu với bên liên quan trong kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017 như sau:

			<i>Ngân VND</i>
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Vay và mượn Chi phí lãi vay Mua hàng hóa, dịch vụ	159.821.000 42.244.048 1.476.284
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập Khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua nhiên liệu, dịch vụ	3.066.743
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Lãi cho vay	3.967.846
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay Cổ tức	22.181.399 96.787.350
Công ty TNHH Phát triển Nông Nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Lãi cho vay Bán hàng hóa	40.674.867 11.713.562
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Lãi cho vay	24.071.808
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Lãi cho vay	25.519.782

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

24. CÁC GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu với bên liên quan trong kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017 như sau (tiếp theo):

			Ngân VND
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Mua hàng hóa	34.285.361
		Bán hàng hóa, dịch vụ	337.860
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Công ty con	Lãi cho vay	156.310
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Mua tài sản	519.200
		Lãi cho vay	16.120.834
		Mua hàng hóa	1.840.000
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Bán hàng hóa, dịch vụ	2.371.020
		Mua hàng hóa	24.278.437
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động sản An Phú	Bên liên quan	Lãi cho vay	10.500.000
Công ty Cổ phần Thủy Điện Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Cho vay	126.168.000
		Lãi cho vay	904.204
Công ty TNHH MTV PTNN Đại Thắng	Bên liên quan	Bán hàng hóa	3.127.955
		Mua hàng hóa	82.652.223
<i>Phải thu khách hàng</i>			
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	110.080
Công ty TNHH Phát triển Nông Nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa	21.639.700
Công ty TNHH Công Nghiệp và Nông Nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Bán hàng hóa	3.493.144
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	3.867.167
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Bán hàng hóa, dịch vụ	16.446.526
Công ty TNHH MTV PTNN Đại Thắng	Bên liên quan	Bán hàng hóa	4.571.758
TỔNG CỘNG			<u>50.128.375</u>
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i>			
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cho vay	220.151.353
TỔNG CỘNG			<u>220.151.353</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

24. CÁC GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày 31 tháng 03 năm 2017 như sau (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngân VND Số dư</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>			
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Quý khen thưởng	2.205.085
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh – Quang Minh	Công ty con	Cổ tức Khác	116.294.850 6.391.704
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh LumPhat	Công ty con	Khác	2.941.301
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Khác	7.212.880
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Khác	5.406.428
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Khác	409.394.215
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Cổ tức	81.675.000
Công ty Cổ phần Bệnh Viện Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Khác	900.000
TỔNG CỘNG			<u>632.421.463</u>
<i>Phải thu về cho vay dài hạn</i>			
Công ty TNHH Phát triển Nông Nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho vay	1.643.878.166
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cho vay	799.419.593
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cho vay	528.503.001
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Công ty con	Cho vay	4.466.000
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Quang Minh	Công ty con	Cho vay	735.474.043
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Cho vay	128.221.602
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Cho vay	535.998.617
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động sản An Phú	Bên liên quan	Cho vay	300.000.000
TỔNG CỘNG			<u>4.675.961.022</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

24. CÁC GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày 31 tháng 03 năm 2017 như sau (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngân VND Số dư</i>
<i>Phải thu dài hạn khác</i>			
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động Sản An Phú	Bên liên quan	Lãi vay	31.487.500
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Công ty con	Lãi vay	293.267
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Lãi vay	15.187.401
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Lãi vay	51.704.701
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Quang Minh	Công ty con	Lãi vay	186.868.267
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Lãi vay	244.047.013
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Lãi vay	293.956.595
Công ty TNHH PTNN Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Lãi vay	283.276.576
TỔNG CỘNG			1.106.821.320
<i>Ứng trước cho nhà cung cấp</i>			
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai – CN Chế Biến Hoa Quả Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Mua hàng hóa	3.871.106
Chi nhánh Cơ khí - Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Mua dịch vụ	279.387
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa	5.522.666
Công ty TNHH MTV Xây Lắp Điện	Bên liên quan	Mua hàng hóa	1.527.690
TỔNG CỘNG			11.200.849
<i>Phải trả người bán</i>			
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Mua khoản đầu tư	12.828.645
Công ty Cổ phần Thể Thao Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa	2.422
Chi nhánh Nguyên vật liệu - Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Mua hàng hóa	1.262.762
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Mua hàng hóa	30.366.493
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập Khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua dịch vụ	2.359.435

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

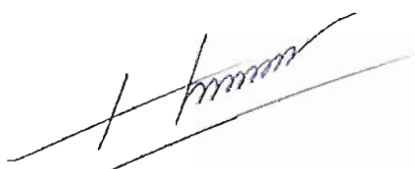
24. CÁC GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày 31 tháng 03 năm 2017 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VND
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
<i>Phải trả người bán (tiếp theo)</i>			
Công ty Cổ phần Gõ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa	20.489
Chi nhánh Khách sạn - Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Mua dịch vụ	7.908
Công ty TNHH MTV PTNN Đại Thắng	Bên liên quan	Mua hàng hóa	71.353.174
TỔNG CỘNG			<u>118.201.328</u>
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>			
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Lãi vay Khác	321.230.995 958.610
Công ty Cổ phần Thủy Điện Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Lãi vay	753.504
TỔNG CỘNG			<u>322.943.109</u>
<i>Vay ngắn hạn</i>			
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Vay ngắn hạn	<u>331.097.953</u>
<i>Vay dài hạn</i>			
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Vay dài hạn	5.192.089.933
Công ty Cổ phần Thủy Điện Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Vay dài hạn	126.168.000
TỔNG CỘNG			<u>5.318.257.933</u>

25. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

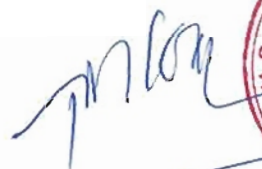
Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.



Nguyễn Thị Hải Yến

Người lập

Ngày 19 tháng 05 năm 2017



Hồ Thị Tuyết Loan

Kế toán trưởng

Trang 30



Võ Thị Mỹ Hạnh

Giám đốc